

Ban Tổng giám đốc Công ty CP Viglacera Hạ Long xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty năm 2018, định hướng hoạt động và kế hoạch SXKD năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông, với các nội dung như sau.

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

I. Đánh giá chung

Trong năm 2018, tình hình thị trường gạch ngói đất nung tiếp tục khó khăn, cạnh tranh gay gắt về giá bán đối với sản phẩm gạch xây và gạch ốp lát Cotto, nguồn cung lớn hơn cầu, do vậy ngay từ đầu năm Công ty đã chủ động nắm bắt và kiểm soát tình hình, tập trung triển khai điều hành quyết liệt các giải pháp trọng tâm. Theo đó, kết quả SXKD toàn Công ty cơ bản đạt được kế hoạch giao, thể hiện qua 02 chỉ tiêu chính là doanh thu, lợi nhuận.

Cụ thể như sau.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% TH/KH
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đ	2.229.950	2.011.193	90,2
2	LN trước thuế hợp nhất	Tr.đ	180.010	181.483	100,8

II. Đánh giá kết quả các mặt hoạt động SXKD năm 2018

1. Sản lượng sản xuất (Công ty mẹ)

Tình hình hoạt động sản xuất tại các đơn vị tương đối ổn định, mức sản xuất được điều độ linh động theo phản ứng của thị trường, kết quả thực hiện sản xuất tại các đơn vị cơ bản đạt so với kế hoạch đặt ra, cụ thể như sau:

Stt	Đơn vị	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH/KH
1.	Nhà máy Tiêu Giao				
+	Gạch xây	Viên	68.143.900	83.613.361	122,7
+	Ngói 22 v/m ²	Viên	46.714.248	38.638.135	82,7
+	Ngói khác	Viên	21.440.460	26.923.046	125,6
2.	Nhà máy Hoàn Bô				
+	Gạch xây	Viên	5.424.800	1.737.640	32,0
+	Ngói 22 v/m ²	Viên	28.038.900	28.811.536	102,8
+	Ngói khác	Viên	8.871.900	11.570.180	130,4
3.	Nhà máy Cotto GĐ				
+	Gạch lát 300	m ²	1.509.604	2.018.100	133,7
+	Gạch lát 400	m ²	3.154.633	2.539.675	80,5
+	Gạch ốp lát khác	m ²	2.165.116	2.619.562	121

2. Chất lượng nung đốt

Chất lượng nung đốt tại các đơn vị sản xuất đều đạt và vượt kế hoạch được giao, đặc biệt, tỷ lệ chất lượng (A1/AB) sản phẩm ngói 22v/m² tại nhà máy Tiêu Giao đạt 79 % tăng +5% so với mức khoán; tại nhà máy gạch Hoàn Bô đạt 85,2% tăng +10,2 % so với khoán; tại nhà máy Cotto GĐ đa số chất lượng sản phẩm đều đạt và vượt mức khoán.

Cụ thể như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Kế hoạch 2018	Thực hiện (A1/AB) năm 2018	
			Th.hiện 2018	Tăng+/Giảm-
I	Nm Tiêu Giao			
1	Gạch xây	100	100	
2	Ngói 22v/m ²	74	79	+ 5

Stt	Tên sản phẩm	Kế hoạch 2018	Thực hiện (A1/AB) năm 2018	
			Th.hiện 2018	Tăng+/Giảm-
II	Nm Hoàn Bò			
1	Gạch xây	100	100	
2	Ngói 22v/m ²	75	85,2	+ 10,2
III	Nm Cotto GĐ			
1	Lát 300 độ nhạt	96,5	99,3	+ 2,8
2	Lát 400 độ nhạt	97,0	98,3	+ 1,3
3	Lát 500 độ nhạt	96,0	97,7	+ 1,7

3. Quản lý chất lượng – Chỉ tiêu cơ lý

Công tác quản lý chất lượng được Công ty đặc biệt quan tâm, thể hiện qua việc thực hiện và giám sát chặt chẽ các quy trình trong chuỗi sản xuất, các chỉ tiêu cơ lý sản phẩm của Công ty được kiểm soát định kỳ bởi Viện NCPT Viglacera, kết quả thí nghiệm thể hiện bằng chứng thư chất lượng được phát hành đều đạt và vượt mục tiêu.

Cụ thể các chỉ tiêu cơ lý với ngói 22v/m² năm 2018, như sau:

Chỉ tiêu	TCVN 1452:2004	TCCS NL01:2013	Thực hiện năm 2018	
			Tiêu giao	Hoàn Bò
Độ hút nước (%)	$E \leq 14$	$E \leq 8$	4,5	5,1
Tải trọng uốn gãy (N/cm)	≥ 35	≥ 100	112,4	201
Khối lượng 1m ² ngói ở trạng thái bão hòa nước (kg/m ²)	≤ 55	≤ 55	49,5	50,9
Thời gian xuyên nước	≥ 2	≥ 24	≥ 24	≥ 24

Đối với chất lượng sản phẩm Cotto GĐ đều đạt TCVN thuộc nhóm AIIa và duy trì vị thế số 1 Việt Nam, kết quả thực hiện chỉ tiêu chất lượng sản phẩm Cotto như sau:

Chỉ tiêu (SP GL300, 400)	TCVN 7483:2005	TCCS GLC01:2015	Thực hiện năm 2018	
			GL 300	GL400
Độ hút nước (TC AIIa) (%)	$3 < E \leq 6$	$3 < E \leq 6$	5,7	5,1
Độ bền uốn (N/mm ²)	≥ 20	≥ 23	28,7	28,0
Độ bền mài mòn (mm ³)	≤ 393	≤ 174	180,3	171,
Độ cứng bề mặt theo thang Mohs	≥ 6	≥ 6	≥ 7	≥ 7

4. Công tác đầu tư chiều sâu tại Công ty Viglacera Hạ Long

4.1 Dự án chuyển đổi nhiên liệu và sản xuất 100% ngói tại nhà máy Tiêu Giao (GĐ1)

Kế thừa thành quả hoạt động chuyển đổi sản xuất 100% ngói tại nhà máy Hoàn Bò, Tổng công ty Viglacera đã phê duyệt chủ trương, cho phép triển khai dự án chuyển đổi nhiên liệu và sản xuất 100% ngói, theo văn bản số 481/TCT-HĐQT ngày 28/9/2017 của Hội đồng Quản trị TCT Viglacera và Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT ngày 1/12/2017 v/v chuyển đổi nhiên liệu và sản xuất 100% ngói GĐ1 tại nhà máy Tiêu Giao.

Theo đó các hạng mục của dự án được triển khai tuân thủ theo đúng trình tự và quy định của pháp luật, Dự án được khai thác vào thời điểm 6/2018 với kết quả đạt và vượt mục tiêu của dự án.

4.2 Các dự án đầu tư chiều sâu khác

Các dự án đã được phê duyệt chủ trương, Công ty triển khai và hoàn thiện đúng/đủ theo quý định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tiến độ và chất lượng đầu tư. Cụ thể, trong năm 2018 Công ty đã thực hiện hoàn thành các dự án gồm Trạm rửa xe chuyên chở nguyên liệu tại nhà máy Tiêu Giao (480 triệu đồng); Hệ thống sản xuất ngói lợp trên dây chuyền số 4 (5 tỷ đồng), Hệ thống máy phát điện 1500KVA (5,5 tỷ đồng); máy phân tích nhiệt trị (500 triệu đồng) tại nhà máy Cotto GD.

Một số dự án tiếp tục triển khai (chuyển tiếp 2019) bao gồm: Hệ thống máy tách đá, chuyển đổi nhiên liệu và sản xuất 100% ngói GD2 tại nhà máy Tiêu Giao; tuyến đường nối QL 279 với cảng Hà Khẩu.

6. Công tác bán hàng

Trong năm 2018, Công ty chỉ đạo Công ty TM Viglacera Hạ Long (công ty con), tiếp tục thực hiện các hoạt động phát triển thương hiệu Viglacera Hạ Long trên nhiều vùng miền thị trường, tham gia các hội chợ VLXD như Big Show Oman 2018, Fecon 2018 Cu Ba, triển lãm tại Indonesia, triển lãm tại Myanmar, Korea Build 2018.

Tổ chức hội nghị khách hàng tại Thái Lan tháng 10/2018; thị trường Miền Nam tháng 9/2018; thị trường Hà Nội tháng 11/18; thị trường Quảng Ninh - Hải Phòng, thị trường Khu 4 tháng và thị trường Tây Bắc vào tháng 12/2018.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MTV Thương Mại Hạ Long cũng thực hiện hàng loạt các đánh giá hiệu quả kênh phân phối/đại lý, thanh lý 03 đại lý cấp 1 và 40 đại lý cấp 2; tuyển dụng mới 03 đại lý cấp 1 và 50 đại lý cấp 2 đối với thị trường trong nước, mở rộng 08 đại lý nước ngoài. Tính đến 31/12/2018 tổng số đại lý trong kênh phân phối 2.840 đại lý, trong đó cấp 1 bằng 350 đại lý và 2.490 đại lý cấp 2.

Tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác phối hợp và chăm sóc khách hàng (đại lý), cán bộ thị trường thường xuyên cùng với đại lý tìm kiếm khách hàng và hỗ trợ tư vấn về kỹ thuật sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm.

7. Công tác quản lý vận hành doanh nghiệp

Xây dựng định mức khoán, triển khai giao giá thành công xưởng, giá bán, doanh thu cho các đơn vị trực thuộc theo từng tháng nhằm bám sát kế hoạch, cũng như tìm các giải pháp bù đắp nếu không đạt các chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng.

Thực hiện nghiêm túc hệ thống báo cáo quản trị sản xuất kinh doanh, hàng tuần, hàng tháng và nắm bắt diễn biến chi phí so kế hoạch giao; phân tích nguyên nhân lỗ từ đó có hướng điều chỉnh kịp thời.

Minh bạch hoá toàn bộ các mặt hoạt động của Công ty.

8. Công tác chăm lo Đời sống vật chất, phong trào, đoàn thể

Tiếp tục chính sách/mục tiêu của Công ty, người lao động là đối tượng được quan tâm hàng đầu, có thể nói rằng “người lao động đã và đang được công ty chăm lo toàn diện” Cụ thể:

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động. CBCNV toàn Công ty được tham gia và đóng đầy đủ BHXH, BHYT theo đúng luật định, đúng hạn đối với cơ quan quản lý nhà nước. Việc chi trả tiền lương đối với người lao động luôn đúng kỳ hạn, không nợ lương.

Đối với các phong trào văn hoá, thể thao được duy trì và phát huy tốt, điều này góp phần không nhỏ vào kết quả thành công trong năm 2018 của Công ty.

Kết luận: Năm 2018, mặc dù có nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự điều hành năng động của Ban tổng giám đốc cùng sự cố gắng hết sức nỗ lực khắc phục khó khăn của toàn bộ CBCNV, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.



PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Trên cơ sở kết quả đã đạt được của năm 2018, Công ty đánh giá cơ hội, thách thức và xây dựng các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2019 như sau:

I. Các chỉ tiêu chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Ghi chú
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đ	2.027.100	
2	LN trước thuế hợp nhất	Tr.đ	146.000	

II. Mục tiêu phân đầu

Phân đầu hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận theo từng tháng; cả năm 2019 đạt mức lợi nhuận theo kế hoạch được giao.

Kiểm soát các chi phí SXKD theo kế hoạch; các yếu tố ảnh hưởng khó kiểm soát như thị trường và giá bán; giá nhiên liệu đầu vào (xăng/ dầu/ điện) do Chính phủ điều tiết, Công ty phải xây dựng phương án ứng phó kịp thời để thực hiện bằng được chỉ tiêu lợi nhuận.

III. Các giải pháp thực hiện

1. Công tác bán hàng

+ Tiếp tục phát triển thị trường, thương hiệu; kết hợp với ban TM TCT thực hiện tốt các chương trình khuyến khích thương hiệu, truyền thông, hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, quảng bá giới thiệu sản phẩm mới.

+ Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt đảm bảo tiêu thụ được và không ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã đặt ra.

+ Công tác xuất khẩu: Tập trung phát triển thị trường xuất khẩu, phân đầu đảm bảo kim ngạch xuất khẩu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Chủ động mở rộng thị trường nâng cao doanh số xuất khẩu khi Công ty mở rộng quy mô sản xuất.

2. Công tác vận hành tài chính

Thực hiện đầu tư trên cơ sở nguồn vốn trung dài hạn được tài trợ từ ngân hàng thương mại, vận hành công tác tài chính duy trì trạng thái cân đối tài chính giữa nợ ngắn hạn và dài hạn.

3. Công tác quản trị sản xuất

Tiếp tục nghiên cứu và tìm giải pháp thực hiện để tiết giảm tiêu hao nhiên liệu; Rà soát chi phí sản xuất, trong đó tập trung kiểm soát các chi phí có giá trị lớn như s/c MMTB định kỳ, sửa chữa lớn theo kế hoạch đăng ký.

4. Công tác quản lý và điều hành

Thực hiện điều hành sản xuất theo thị trường linh hoạt để sản xuất các mặt hàng đáp ứng yêu cầu thị trường; duy trì việc minh bạch hoá toàn bộ các mặt hoạt động SXKD trong toàn Công ty.

5. Công tác đầu tư

Công ty chủ động lập và trình các hồ sơ thu tục theo đúng Quy chế Quản lý hoạt động đầu tư, đảm bảo đúng theo kế hoạch, tiến độ cũng như trình tự theo pháp luật.

Tập trung nguồn lực, triển khai thực hiện dự án chuyển đổi nhiên liệu và sản xuất 100% ngói (GD 2) tại nhà máy Tiêu Giao (dự kiến hoàn thành vào 9/2019).



Trên đây là báo cáo Kết quả SXKD năm 2018, phương hướng - nhiệm vụ SXKD năm 2019 của Ban Tổng Giám đốc Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CP VIGLACERA HẠ LONG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hồng Quang



**Phụ lục – KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU 2019
TẠI CÔNG TY CP VIGLACERA HẠ LONG**

Đvt: Triệu đồng

TT	Dự án/hạng mục	ĐVT	SL	TMDT dự kiến (tr.đ)	KH đầu tư năm 2019 (tr.đ)
I	CÁC HẠNG MỤC ĐÃ PHÊ DUYỆT			189.316	150.001
1	Dự án đầu tư chuyển tiếp từ 2018			160.626	121.311
+	Chuyển đổi NL và SX 100% gói (GD2) tại NmTiêu Giao	Hệ	1	68.800	68.800
+	Máy tách đá NM Tiêu Giao	Hệ	1	4.961	4.961
+	Cảng xuất hàng P. Hà Khẩu	Hệ	1	34.579	20.692
+	Đường từ cảng xuất hàng P.Hà Khẩu ra đường An Tiêm	Hệ	1	16.259	6.878
+	Bến bãi nhập xuất nguyên liệu và sản phẩm tại sông Mần	Hệ	1	36.027	19.980
2	Dự án đầu tư mới năm 2019			28.690	28.690
a	Nhà máy Hoàn Bò			1.400	1.400
+	Xe goòng hầm sấy gói	Hệ	1	1.400	1.400
b	Nhà máy gạch Cotto Giếng Đáy			27.290	27.290
+	Máy xúc đào bánh xích	Cái	1	2.299	2.299
+	Trạm khí hóa than số 5	Hệ	1	24.000	24.000
+	Máy đóng dán vỏ hộp tự động	Hệ	1	495	495
+	Máy đóng dây pallet tự động	Hệ	1	496	496
II	CÁC HẠNG MỤC TRÌNH BỔ SUNG 2019			178.000	178.000
a.	Nhà máy Hoàn Bò			56.000	56.000
1	Hệ gia công - nghiền khô nguyên liệu	Hệ	1	16.000	16.000
2	Hệ lò sấy con lăn	Hệ	1	21.000	21.000
3	Kho bù sản phẩm và dây chuyền kết nối giữa Hệ tạo hình và kho bù	Hệ	1	7.000	7.000
4	Hệ thống Robot bốc gói/dỡ khay sau sấy	Hệ	1	5.000	5.000
5	Hệ thống Robot hỗ trợ bốc dỡ gói trên xe goòng ra lò	Hệ	1	3.000	3.000
6	Hệ thống Robot bốc xếp gói lên Palet	Hệ	1	2.000	2.000
7	Dây chuyền hồi lưu khay sấy	Hệ	1	2.000	2.000
b.	Nhà máy Tiêu Giao			122.000	122.000
1	Hệ gia công - nghiền khô nguyên liệu	Hệ	1	24.000	24.000
2	Hệ lò sấy con lăn	Hệ	1	31.500	31.500



3	Kho bù sản phẩm và dây chuyền kết nối giữa Hệ tạo hình và kho bù	Hệ	1	10.500	10.500
4	Hệ thống Robot bốc ngói/dỡ khay sau sấy	Hệ	1	7.500	7.500
5	Hệ thống Robot hỗ trợ bốc dỡ ngói trên xe goòng ra lò	Hệ	1	4.500	4.500
6	Hệ thống Robot bốc xếp ngói lên Palet	Hệ	1	3.000	3.000
7	Dây chuyền hồi lưu khay sấy	Hệ	1	3.000	3.000
8	Hệ Khí hóa than số 2 tại Nhà máy Tiêu Giao	Hệ	1	30.000	30.000
9	Quy hoạch hệ thống MMTB toàn nhà máy	Hệ	1	8.000	8.000
TỔNG CỘNG I+II				367.316	328.001



Phụ lục 1- TRẠNG THÁI TRIỂN KHAI DỰ ÁN NĂM 2018

TT	Khoản mục (dự án) đầu tư	Đvt	Lượng	KH 2018	T. hiện 2018	Trạng thái triển khai
1	Nhà máy gạch Tiêu Giao			47.860	5.480	Đang xem xét sự cần thiết đầu tư
+	Máy lốc tôn	Máy	1	380		
+	Hệ thống máy tách đá	Hệ	1	5.000	5.000	Cty mới tiến hành đặt hàng đối tác gia công (từ tháng 12/2018, 06 tháng kể từ ngày đặt hàng đối tác mới hoàn thiện); Khi thiết bị về VN mới tiến hành các thủ tục thuế tài chính.
+	Chuyển đổi NL và 100% L1,2	Hệ	2	42.000		Đang triển khai: Công ty đã lập hồ sơ báo cáo TCT xin chuyển đổi phương án sử dụng nhiên liệu từ LPG sang khí hóa than do giá LPG tăng; Dự kiến triển khai hồ sơ đầu tư từ quý I/2019; Hoàn thành trong quý II/2019.
+	Trạm rửa xe chờ NL	Hệ	1	480	480	Chờ quy hoạch mặt bằng xây dựng (do vướng vào tiến độ GPMB và thi công tuyến đường cảng HK ra đường An Tiêm); Dự kiến triển khai sau khi tuyến đường đã đổ bê tông xong.
2	Nhà máy gạch Hoàng Bò			15.000	0	
+	Lò sấy kiểu thanh lăn			15.000		Đang tiếp tục nghiên cứu và đầu tư khi khi mở rộng công suất nhà máy từ 2 lò lên 3 lò tunnel
3	Nhà máy gạch Cotto GD			13.380	5.000	
+	Máy xúc đảo Komatsu bán xích PC200	cái	1	1.900		Tạm thời chưa đầu tư, cố gắng khai thác thiết bị hiện có
+	Máy cắt dây sp tạo hình (sx trong nước)	cái	1	1.200		Tạm thời chưa đầu tư, cố gắng khai thác thiết bị hiện có
+	Máy ủi Komatsu D61	cái	1	2.100		Tạm thời chưa đầu tư, cố gắng khai thác thiết bị hiện có
+	Xe nâng komasu 4,5 tấn	cái	1	1.000		Tạm thời chưa đầu tư, cố gắng khai thác thiết bị hiện có
+	Xe nâng komasu 3 tấn	cái	2	1.600		Tạm thời chưa đầu tư, cố gắng khai thác thiết bị hiện có
+	Máy cắt mài với sp KT > 1m (nhập ngoại)	cái	1	1.500		Tạm thời chưa đầu tư, cố gắng khai thác thiết bị hiện có
+	Máy nén khí 30 kw	cái	1	600		Tạm thời chưa đầu tư, cố gắng khai thác thiết bị hiện có
+	Hệ thống sản xuất ngói d/c 4	Hệ	1	3.000	5.000	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác; Đang thuê tài chính
+	Trạm rửa xe chờ NL	Hệ	1	480		Chưa triển khai vì chưa quy hoạch được mặt bằng XD
4	Các hạng mục khác			13.000	0	
+	Đầu tư phòng LAB			10.000		Chưa triển khai vì chưa xác định được quy mô, cấu hình cụ thể của hệ thống thiết bị, nhân lực để đảm bảo tuân thủ theo đúng các yêu cầu và tiêu chuẩn của pháp luật về phòng LAB.
+	Khu nhà ở liên kề tại khu 1, GD	Hệ	1	3.000		Công ty đã hoàn thành hồ sơ quy hoạch, GPMB với tỉnh QN; đang trong giai đoạn chờ đầu thầu quyền sử dụng đất để tiến hành các công việc tiếp theo.
5	Dự án chuyển tiếp			92.520	44.320	
+	Chuyển đổi NL và SX 100% ngói (GD1)	Hệ	1	38.320	38.320	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác; Đã hoàn thành quyết toán
+	Máy phát điện 1500KVA	Máy	1	6.000	5.500	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác; đang thực hiện các thủ tục quyết toán
+	Máy phân tích nhiệt trị KHT	Máy	1	500	500	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác; Đã hoàn thành quyết toán
+	Bãi tạm xuất NL sông Mãn (HB, 2017)	m2	36.027	8.000		Đang tiến hành san nền (ước KL = 60%)
+	Cảng xuất hàng tại Hà Khẩu	m2	41.000	8.000		Đang tiến hành công việc đắp bờ (ước KL=20%)
+	Đường ra cảng xuất hàng Hà Khẩu	Km	1,5	16.200		Đang tiến hành đổ bê tông đoạn đầu nối ra đường An Tiêm (KL thực hiện 200m/1600m); Các đoạn còn lại chờ thủ tục giải phóng mặt bằng mới triển khai tiếp
+	Tuyến đường nối mỏ sét TL và Nim Cotto	Tuyến	1	15.500		Chưa triển khai được do phải đợi thủ tục cấp phép, giao đất mỏ sét GD của tỉnh QN cho Công ty.
	Tổng cộng			181.760	54.800	